



# MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-35
7. PHỤ LỤC 1 - THUYẾT MINH TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	36
8. PHỤ LỤC 2 - THUYẾT MINH VỐN CHỦ SỞ HỮU	37

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ Phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301860552 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 22 tháng 05 năm 2012

#### Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty:

Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn phòng phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em; Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh bao gồm: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh.; In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu; Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy. Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu; Dịch vụ sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh, giữ xe của khách hàng; Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp; Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng; Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn, băng đĩa có nội dung sân khấu-ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành; Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả; Kinh doanh ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh rạp chiếu phim; Dịch vụ quảng cáo thương mại, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua buru điện hoặc internet; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

#### Mã chứng khoán niêm yết: PNC

**Trụ sở chính:** 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Vốn điều lệ:** theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

#### Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2012 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Quảng Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Huế (Nhà sách Phú Xuân).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Huế (TT làng nghề Huế).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hội An.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Nha Trang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Đà Lạt.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Cần Thơ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Bình Thuận.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Lệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Thành viên
Bà Trần Thị Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Kim Đảnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Kim Đính	Thành viên
Ông Cao Danh Hà	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Phan Thị Lệ	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Mộng Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ông Thu Nga	Kế toán trưởng

### 4. Các thông tin khác

Trong kỳ hoạt động của chi nhánh Bình Thuận không phát sinh. Chi nhánh Bình Thuận đang trong quá trình ngừng hoạt động.

### 5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty.

### 6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**7. Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 16 tháng 08 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị



PHAN THỊ LỆ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 0612419/AISC-DN6

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN 30/6/2012**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

**Kính gửi:**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.**  
**Công ty Cổ Phần Văn Hóa Phương Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012, được lập ngày 20 tháng 07 năm 2012 của CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc Quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc soát xét để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**TP. HCM, ngày 16 tháng 08 năm 2012**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Trần Xuân Thủy**

Số chứng chỉ KTV: 1744/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trương Diệu Thủy**

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>199.085.215.733</b>	<b>179.372.457.617</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>5.849.020.706</b>	<b>3.835.803.312</b>
1. Tiền	111		5.849.020.706	3.835.803.312
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.000.000.000	9.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>60.781.022.067</b>	<b>62.765.345.828</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		22.614.736.284	16.041.483.579
2. Trả trước cho người bán	132		11.994.809.034	12.916.142.394
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		28.070.678.133	35.527.533.191
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.899.201.384)	(1.719.813.336)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>115.268.504.786</b>	<b>94.381.009.787</b>
1. Hàng tồn kho	141		115.320.347.186	94.432.852.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.842.400)	(51.842.400)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.186.668.174</b>	<b>9.390.298.690</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	3.350.797.446	2.872.441.128
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		390.759.018	324.685.717
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	729.249.220	729.249.220
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	3.715.862.490	5.463.922.625

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>186.982.449.245</b>	<b>177.288.183.202</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.331.200.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.06	8.331.200.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>80.345.160.635</b>	<b>77.584.669.628</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	47.925.311.829	48.486.755.689
- Nguyên giá	222		92.025.570.009	87.224.440.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.100.258.180)	(38.737.685.194)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	-	381.277.741
- Nguyên giá	225		-	887.980.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(506.702.456)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	26.280.821.756	26.415.221.029
- Nguyên giá	228		27.996.057.876	27.960.107.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.715.236.120)	(1.544.886.847)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	6.139.027.050	2.301.415.169
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	-	-
- Nguyên giá	241		34.364.000	34.364.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(34.364.000)	(34.364.000)
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>86.273.472.461</b>	<b>87.818.500.386</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		54.677.454.017	56.222.481.942
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		18.934.906.900	18.934.906.900
3. Đầu tư dài hạn khác	258		12.661.111.544	12.661.111.544
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.032.616.149</b>	<b>11.885.013.188</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	6.987.512.756	7.707.257.047
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	820.610.282	820.610.282
3. Tài sản dài hạn khác	263	V.14	4.224.493.111	3.357.145.859
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>386.067.664.978</b>	<b>356.660.640.819</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>255.030.660.509</b>	<b>218.314.964.614</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>234.627.369.778</b>	<b>201.016.004.563</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	90.271.000.000	85.070.550.000
2. Phải trả cho người bán	312		116.473.203.026	90.058.473.542
3. Người mua trả tiền trước	313		516.287.898	2.496.794.879
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	403.262.307	244.700.869
5. Phải trả người lao động	315		2.243.149.759	3.643.783.627
6. Chi phí phải trả	316	V.17	4.888.885.636	3.282.441.128
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	19.831.581.152	16.219.260.518
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.403.290.731</b>	<b>17.298.960.051</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	861.208.236	733.301.156
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	19.026.736.789	16.369.623.789
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.852.249	60.998.649
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.21	506.493.457	135.036.457
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>131.037.004.469</b>	<b>138.345.676.205</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	131.037.004.469	138.345.676.205
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.589.060.000	100.589.060.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.551.810.046	34.551.810.046
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.616.000.640)	(2.616.000.640)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		970.956.900	970.956.900
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		629.012.114	629.012.114
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(3.087.833.951)	4.220.837.785
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>386.067.664.978</b>	<b>356.660.640.819</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		21.696.668.830	2.848.774.357
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.01	100,17	100,11
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


Kế toán trưởng



Ông Thu Nga

TP HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Phan Thị Lê

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	147.329.329.324	138.619.415.249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 2	1.077.215.845	527.383.201
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 3	146.252.113.479	138.092.032.048
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 4	94.009.391.970	90.299.852.111
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>52.242.721.509</b>	<b>47.792.179.937</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.082.822.070	5.885.453.107
7. Chi phí tài chính	22	VI. 6	9.981.839.629	7.678.724.975
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.874.481.359	7.483.486.740
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	44.147.936.092	36.106.507.930
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	7.526.080.943	6.718.921.092
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	<b>30</b>		<b>(7.330.313.085)</b>	<b>3.173.479.047</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.9	675.405.593	844.860.158
12. Chi phí khác	32	VI.10	653.764.244	648.172.471
<b>13. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>21.641.349</b>	<b>196.687.687</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>(7.308.671.736)</b>	<b>3.370.166.734</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12		232.405.768
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>(7.308.671.736)</b>	<b>3.137.760.966</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.14</b>	<b>(727)</b>	<b>312</b>

Kế toán trưởng



Ông Thu Nga

TP. HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Phan Thị Lệ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	141.784.998.128	159.996.507.156
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(118.246.675.061)	(145.466.267.375)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.676.706.262)	(14.987.641.258)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(10.317.690.320)	(6.782.908.442)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(275.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	28.371.803.201	32.232.966.563
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(24.754.444.316)	(11.259.518.468)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.838.714.630)</b>	<b>13.458.138.176</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.748.387.080)	(25.510.105.375)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	(4.113.880.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	633.331.548	177.718.500
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.115.055.532)</b>	<b>(29.446.266.875)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	114.318.683.000	120.738.790.649
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(109.351.695.444)	(111.341.240.184)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>4.966.987.556</b>	<b>9.397.550.465</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.013.217.394	(6.590.578.234)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.835.803.312	11.590.862.322
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<u>5.849.020.706</u>	<u>5.000.284.088</u>

Kế toán trưởng



Ông Thu Nga

TP. HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Tổng Giám đốc

Phan Thị Lệ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ Phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301860552 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 22 tháng 05 năm 2012

**2. Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.**

Vốn điều lệ: 100.589.060.000 đ.

**3. Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực văn hóa.****4. Ngành nghề kinh doanh:**

Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn phòng phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em; Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh bao gồm: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh.; In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu; Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy. Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu; Dịch vụ sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh, giữ xe của khách hàng; Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp; Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng; Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn, băng đĩa có nội dung sân khấu-ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành; Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả; Kinh doanh ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở); Kinh doanh rạp chiếu phim; Dịch vụ quảng cáo thương mại, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**5. Tổng số nhân viên đến cuối năm: 967 người.****II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chứng từ

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền.**

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**4.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

**4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

*Nhà cửa, vật kiến trúc* 6 - 15 năm

*Máy móc, thiết bị* 4 - 10 năm

*Phương tiện vận tải* 3 - 6 năm

*Thiết bị, dụng cụ quản lý* 3 - 10 năm

*Tài sản cố định vô hình (phần mềm máy tính)* 4 - 8 năm

*Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

*Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.*

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

**Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá của bất động sản đầu tư:** Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:** khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:** được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

**Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:** Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí sửa chữa văn phòng, sửa chữa thang máy, chi phí tham dự triển lãm sách, chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 60 tháng.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ **Vốn khác:** Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ **Cổ phiếu quỹ:** Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại được trình bày trên nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

+ **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Công ty áp dụng mức thuế suất phổ thông 25%/năm.

**15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ kế toán:

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2012: 20.828 VNĐ/USD.

Trong kỳ, Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10), theo đó tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm tài chính. Công ty đánh giá chênh lệch tỷ cuối kỳ giá áp dụng nhất quán so với năm trước.

**16. Các bên liên quan:**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**17. Công cụ tài chính:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và chưa niêm yết.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại chưa có quy định về xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2012	01/01/2012
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
<b>Tiền</b>	<b>5.849.020.706</b>	<b>3.835.803.312</b>
Tiền mặt	3.544.046.157	1.022.770.764
Tiền gửi ngân hàng	2.304.974.549	2.813.032.548
+ VND	2.302.867.369	2.810.926.634
+ USD	# 100,17 USD 2.107.180	2.105.914
<b>Cộng</b>	<b>5.849.020.706</b>	<b>3.835.803.312</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng ACB	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu khách hàng	22.614.736.284	16.041.483.579
Trả trước người bán	11.994.809.034	12.916.142.394
Phải thu khác	28.070.678.133	35.527.533.191
Công ty Cổ phần nhãn hiệu Phương Nam	1.102.681.605	2.245.070.205
CTY TNHH MTV Sách Phương Nam	5.225.276.614	1.433.753.109
CTY TNHH MTV Phương Nam Phim	10.444.480.313	13.121.217.153
Envoy Media Partners Ltd	-	6.402.000.000
CN Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim - Làng nghề Huế	1.020.822.278	887.562.278
Chiết khấu bán hàng	565.088.067	165.006.861
Tiền bản quyền phải thu công ty Con	662.521.700	662.521.700
Thuế chưa khấu trừ	1.452.197.639	1.393.021.476
Các khoản thuế chưa xử lý	694.879.862	694.879.862
Phải thu hàng hư hỏng nhà sách Lê Lợi	402.154.770	352.520.195

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phải thu phí vãng lai	668.696.173	632.285.724	
Các khoản phải thu khác	2.781.234.844	5.039.819.209	
Bảo hiểm xã hội, BHYT	38.209.479	-	
Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trích bổ sung	3.012.434.789	2.497.875.419	
<b>Cộng</b>	<b>62.680.223.451</b>	<b>64.485.159.164</b>	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (-)	(1.899.201.384)	(1.719.813.336)	
<b>Cộng giá trị thuần các khoản phải thu</b>	<b>60.781.022.067</b>	<b>62.765.345.828</b>	
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Công cụ, dụng cụ	140.379.435	-	
Chi phí SX, KD dở dang	1.236.077.713	1.342.410.818	
Hàng hoá	113.839.412.515	92.985.306.134	
Hàng gửi đi bán	104.477.523	105.135.235	
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>115.320.347.186</b>	<b>94.432.852.187</b>	
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51.842.400)	(51.842.400)	
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>115.268.504.786</b>	<b>94.381.009.787</b>	
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.350.797.446	2.872.441.128	
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.350.797.446	2.872.441.128	
<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>729.249.220</b>	<b>729.249.220</b>	
Thuế TNDN nộp thừa	729.249.220	729.249.220	
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>3.715.862.490</b>	<b>5.463.922.625</b>	
Tạm ứng	530.373.460	288.133.887	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	313.636.697	288.823.000	
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.871.852.333	4.886.965.738	
<b>Cộng</b>	<b>7.795.909.156</b>	<b>9.065.612.973</b>	
<b>6. Các khoản phải thu dài hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>	
Envoy Media Partners Ltd (*)	# 400.000 USD	8.331.200.000	-
<b>Cộng</b>		<b>8.331.200.000</b>	<b>-</b>

Ghi chú: (\*) Khoản phải thu dài hạn về việc Công ty CP Văn hóa Phương Nam chuyển nhượng 10% quyền góp vốn vào Công ty TNHH Truyền thông Megastar cho Công ty Envoy Media Partners Limited với số tiền 400.000 USD tương đương 8.331.200.000 VND.

**7. Tài sản cố định hữu hình:** Xem phụ lục 1 trang 36.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	887.980.197	<b>887.980.197</b>
<i>Thanh lý HĐ thuê TC</i>	887.980.197	<b>887.980.197</b>
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	506.702.456	<b>506.702.456</b>
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	12.299.281	<b>12.299.281</b>
<i>Thanh lý HĐ thuê TC</i>	519.001.737	<b>519.001.737</b>
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	381.277.741	<b>381.277.741</b>
Số dư cuối kỳ	-	-

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	25.232.525.000	36.587.590	2.690.995.286	<b>27.960.107.876</b>
<i>Mua trong kỳ</i>	-	-	35.950.000	<b>35.950.000</b>
<i>Tặng khác</i>	-	-	36.587.590	<b>36.587.590</b>
<i>Giảm khác</i>	-	36.587.590	-	<b>36.587.590</b>
Số dư cuối kỳ	25.232.525.000	-	2.763.532.876	<b>27.996.057.876</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	24.934.367	1.519.952.480	<b>1.544.886.847</b>
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	170.349.273	<b>170.349.273</b>
<i>Tặng khác</i>	-	-	24.934.367	<b>24.934.367</b>
<i>Giảm khác</i>	-	24.934.367	-	<b>24.934.367</b>
Số dư cuối kỳ	-	-	1.715.236.120	<b>1.715.236.120</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	25.232.525.000	11.653.223	1.171.042.806	<b>26.415.221.029</b>
Số dư cuối năm	25.232.525.000	-	1.048.296.756	<b>26.280.821.756</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 25.232.525.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án		
<i>Dự án Ebook</i>	1.676.442.830	1.113.363.651
<i>Nhà sách Quảng Ninh</i>	225.220.464	139.910.262
<i>Nhà sách Làng nghề</i>	-	24.319.381
<i>Dự án ERP Công ty Con</i>	69.000.000	28.000.000
<i>Dự án Công ty truyền thông Phương Nam</i>	600.271.882	600.271.882
<i>Gian hàng lưu động</i>	-	16.977.273
<i>Dự án Liên Khương</i>	38.817.265	38.817.265
<i>Nhà sách Vincom Lê Thánh Tôn</i>	2.565.354.578	90.000.000
<i>Nhà sách Phú Xuân Huế</i>	34.755.455	34.755.455
<i>XDCB kho vận</i>	422.794.500	-
<i>Khác</i>	506.370.076	215.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.139.027.050</b>	<b>2.301.415.169</b>

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

<b>Khoản mục</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Nguyên giá</b>	<b>34.364.000</b>	-	-	<b>34.364.000</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	34.364.000	-	-	34.364.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>34.364.000</b>	-	-	<b>34.364.000</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	34.364.000	-	-	34.364.000
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>-</b>	-	-	<b>-</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	-	-	-	-

**Thuyết minh số liệu và các giải trình khác:***Danh mục bất động sản đầu tư:**Giá trị nhà cửa vật kiến trúc tại số 1275 đường 3/2 Quận 11, TP.HCM***12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>30/06/2012</b>		<b>01/01/2012</b>	
	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá trị</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>54.677.454.017</b>		<b>56.222.481.942</b>
Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	100%	14.475.126.370	100%	16.871.367.228
Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	100%	11.255.834.270	100%	11.255.834.270
Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	100%	14.946.493.377	100%	14.095.280.444
Công ty TNHH MTV In Phương Nam	100%	14.000.000.000	100%	14.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
<b>Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh</b>	<b>368.479</b>	<b>18.934.906.900</b>	<b>368.479</b>	<b>18.934.906.900</b>
Công ty CP Nhân hiệu Phương Nam	-	9.584.000.000	-	9.584.000.000
Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty CP Sách & Thiết bị trường học Sóc Trăng	118.479	2.499.906.900	118.479	2.499.906.900
Công ty CP Mega Phương Nam	-	4.351.000.000	-	4.351.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>12.661.111.544</b>	<b>-</b>	<b>12.661.111.544</b>
Công ty TNHH Truyền thông Megastar	10%	12.653.840.314	10%	12.653.840.314
Công ty CP VN Direct	-	7.271.230	-	7.271.230
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>		<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>368.479</b>	<b>86.273.472.461</b>	<b>368.479</b>	<b>87.818.500.386</b>

**Phân loại chi tiết các khoản đầu tư tại 30/06/2011:**

	Giá gốc khoản đầu tư đến 30/06/2011	Tỷ lệ góp vốn thực tế	Quyền biểu quyết
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>54.677.454.017</b>		
Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	14.475.126.370	100%	100%
Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	11.255.834.270	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	14.946.493.377	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Phương Nam	14.000.000.000	100%	100%
<b>Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh</b>	<b>18.934.906.900</b>		
Công ty CP Nhân hiệu Phương Nam	9.584.000.000	59,90%	50%
Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	2.500.000.000	25,00%	25,00%
Công ty CP Sách & Thiết bị trường học Sóc Trăng	2.499.906.900	23,08%	23,08%
Công ty CP Mega Phương Nam	4.351.000.000	32,00%	32,00%
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>12.661.111.544</b>		
Công ty TNHH Truyền thông Megastar	12.653.840.314	10%	10%
Công ty CP VN Direct	7.271.230		
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>		
<b>Cộng</b>	<b>86.273.472.461</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>13. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Số dư đầu kỳ	7.707.257.047	8.058.918.332
Tăng trong kỳ	1.300.308.225	2.313.910.893
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(2.020.052.516)	(3.049.496.328)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.987.512.756</b>	<b>7.323.332.897</b>
<b>14. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Ký quỹ thuê kho, mặt bằng, khác	4.224.493.111	3.357.145.859
<b>Cộng</b>	<b>4.224.493.111</b>	<b>3.357.145.859</b>
<b>15. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Vay ngắn hạn	90.271.000.000	85.070.550.000
Vay ngân hàng	89.271.000.000	84.070.550.000
Ngân hàng Đông Á (a)	19.820.000.000	19.240.550.000
Ngân hàng Á Châu (b)	68.526.000.000	64.830.000.000
Công ty đầu tư tài chính nhà nước (c)	925.000.000	-
Vay cá nhân (d)	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>90.271.000.000</b>	<b>85.070.550.000</b>

**Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng**

Số hợp đồng	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời gian vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
(a) HD số H.0301/NT Hạn mức tín dụng: 25 tỷ đồng	Mục đích: bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ, lương và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh	Từ 24/06/2011 đến 24/06/2012	Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Lãi suất quá hạn quy định trên giấy nhận nợ.	Thế chấp tài sản và hàng hoá tại Nhà sách Lê Duẩn, Nhà sách Nguyễn Oanh và Book Café. Trị giá tài sản và hàng hoá bình quân tối thiểu 20 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<p>HD số OIK.DN.02070411 Hạn mức tín dụng: 65 tỷ đồng</p>	<p>Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương nghiệp các mặt hàng sách báo, báo các loại, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, văn hoá phẩm.</p>	<p>Lãi suất trong hạn theo từng kế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn được tính theo quy định tại kế ước nhận nợ.</p> <p>Từ 07/04/2011 đến 22/07/201</p>	<p>Tài sản thế chấp là số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn (tài khoản số 98080209), toàn bộ hàng tồn kho là các mặt hàng sách báo các loại, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, văn hoá phẩm, bất động sản được quy định chi tiết theo: + Số OIK.BĐDN.021102 11/SP ngày 01/03/2011 + Số TN.01110608 ngày 13/06/2008 + Số OIK.BDDN.031606 10 ngày 24/06/2010 + Số 949 ngày 07/04/2011</p>
(c)	<p>Vay của Công ty đầu tư tài chính nhà nước TP. HCM theo hợp đồng tín dụng uỷ thác số 86/2012/HĐTC-ĐTTC-UT với số tiền là 925.000.000 đồng thời hạn vay 6 tháng từ lần giải ngân đầu tiên. Mục đích: Vay vốn từ ngân sách TP.HCM để thực hiện Chương trình bình ổn thị trường; mặt hàng tập học sinh phục vụ mùa khai giảng năm học 2012-2013 trên địa bàn TP HCM. Lãi suất cho vay: 0%, phí uỷ thác 0,15% tháng (1,8% / năm) tính trên số dư nợ vay. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm Ủy ban Nhân dân TP.HCM ban hành quyết định thu hồi vốn vay.</p>			
(d)	<p>Vay cá nhân: Ông Phạm Minh Duy số tiền là 1 tỷ đồng với lãi suất 1,3% / tháng. Thời hạn vay: từ 12 tháng (01/01/2012 tới 31/12/2012). Mục đích phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của công ty.</p>			

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2012	01/01/2012
Thuế giá trị gia tăng	301.842.803	202.494.558
Thuế xuất, nhập khẩu	57	-
Thuế thu nhập cá nhân	101.419.447	42.206.311
<b>Cộng</b>	<b>403.262.307</b>	<b>244.700.869</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>		
Trích trước chi phí điện, nước, điện thoại	606.918.413	364.552.360
Chi phí hao hụt định mức	156.761.300	126.427.159
Dự phòng tiền đồng phục nhân viên	5.308.333	7.457.333
Trích trước lãi vay cá nhân	34.441.935	18.191.935
Thuê mặt bằng	1.976.329.720	1.491.840.958
Trích trước CP khấu hao công trình làng nghề Huế	1.533.099.559	1.163.730.885
Trợ cấp thôi việc	4.860	8.379.172
Khác	576.021.516	101.861.326
<b>Cộng</b>	<b>4.888.885.636</b>	<b>3.282.441.128</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	618.395.852	2.698.300.466
Kinh phí công đoàn	159.227.627	111.186.227
Bảo hiểm xã hội, BHYT	-	105.372.146
Bảo hiểm thất nghiệp	121.579.658	78.399.676
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.932.378.015	13.226.002.003
<i>Nhận vốn góp</i>	<i>7.210.000.000</i>	<i>7.210.000.000</i>
<i>Công Ty TNHH MTV Sách Phương Nam</i>	<i>1.345.576.353</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH MTV In Phương Nam</i>	<i>4.075.238.875</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.545.659.100</i>	<i>2.545.832.600</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>3.755.903.687</i>	<i>3.470.169.403</i>
<b>Cộng</b>	<b>19.831.581.152</b>	<b>16.219.260.518</b>
<b>19. Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	306.335.156	306.335.156
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê mặt bằng)	554.873.080	426.966.000
<b>Cộng</b>	<b>861.208.236</b>	<b>733.301.156</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>		
<b>Vay dài hạn</b>	<b>19.026.736.789</b>	<b>16.369.623.789</b>
Vay ngân hàng	10.695.536.789	9.967.623.789
+ Ngân hàng Đông Á (e)	10.695.536.789	9.967.623.789
Vay đối tượng khác	8.331.200.000	6.402.000.000
<i>Envoy Media Partners Ltd (f)</i>	<i>8.331.200.000</i>	<i>6.402.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>19.026.736.789</b>	<b>16.369.623.789</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng**

Ngân hàng Đông Á gồm có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Mục đích sử dụng vốn vay	Thời gian vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
(e) HD số H.0077/12 Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng	Mục đích: Đầu tư xây dựng Nhà sách - Bookcafe Đà Lạt, Bookcafe Cần thơ, Nhà sách Phương Nam Bookcafe Lý Chính Thắng, Làng nghề Huế - Trung tâm Văn Hoá Phương Nam; đầu tư thiết bị gia công phụ đề phim nhựa, Kios Cam Ranh.	Từ 06/09/2010 - 06/09/2014	Lãi suất trong hạn 15,6%. Lãi suất được điều chỉnh hàng quý theo khung cho vay của ngân hàng. Lãi suất quá hạn = 1,5 lần lãi suất trong hạn.	Tin chấp

(f) Vay Cty Envoy Media Partners Ltd. Số tiền là 400.000 USD tương đương 8.331.200.000. Mục đích: vay bổ sung phục vụ vốn lưu động tại ngày 14/03/2008. Thời hạn vay là 3 năm. Lãi suất là 4% / năm được thanh toán tại ngày đáo hạn. Đến thời điểm 30/06/2012 Công ty chưa tiến hành gia hạn lại hợp đồng và khoản lãi vay phải trả dự tính đến 30/06/2012 là 1.453.441.556 VND.

	30/06/2012	01/01/2012
<b>21. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
Doanh thu chưa thực hiện	506.493.457	135.036.457
<b>Cộng</b>	<b>506.493.457</b>	<b>135.036.457</b>
<b>22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>820.610.282</b>	<b>820.610.282</b>
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	820.610.282	820.610.282
<b>Cộng</b>	<b>820.610.282</b>	<b>820.610.282</b>

**23. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem phụ lục 2 trang số 37.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước	15.103.200.000	15.103.200.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	83.076.960.000	83.076.960.000
Cổ phiếu quỹ	2.408.900.000	2.408.900.000
<b>Cộng</b>	<b>100.589.060.000</b>	<b>100.589.060.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ: 240.890 cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	<b>100.589.060.000</b>	<b>100.589.060.000</b>
<i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>100.589.060.000</i>	<i>100.589.060.000</i>
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>100.589.060.000</i>	<i>100.589.060.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.058.906	10.058.906
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.058.906	10.058.906
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>10.058.906</i>	<i>10.058.906</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	240.890	240.890
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>240.890</i>	<i>240.890</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.818.016	9.818.016
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>9.818.016</i>	<i>9.818.016</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Quỹ đầu tư phát triển	970.956.900	970.956.900
Quỹ dự phòng tài chính	629.012.114	629.012.114
<b>Cộng</b>	<b>1.599.969.014</b>	<b>1.599.969.014</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.*

*Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.329.329.324	138.619.415.249
<b>Cộng</b>	<b>147.329.329.324</b>	<b>138.619.415.249</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>
Chiết khấu thương mại	11.110.429	15.909.206
Hàng bán bị trả lại	1.066.105.416	511.473.995
<b>Cộng</b>	<b>1.077.215.845</b>	<b>527.383.201</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần kinh doanh sách	62.438.992.820	53.646.815.444
Doanh thu thuần kinh doanh hàng tổng hợp	63.101.555.448	56.621.013.609
Doanh thu thuần kinh doanh băng đĩa	5.668.563.593	6.198.279.037
Doanh thu thuần kinh doanh khác	7.839.964.823	14.224.452.152
Doanh thu thuần kinh doanh cà phê sách	7.203.036.795	7.401.471.806
<b>Cộng</b>	<b>146.252.113.479</b>	<b>138.092.032.048</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn kinh doanh sách	41.728.919.741	33.240.493.876
Giá vốn kinh doanh hàng tổng hợp	40.808.480.716	37.141.561.651
Giá vốn kinh doanh băng đĩa	3.654.731.343	4.645.241.619
Giá vốn kinh doanh khác	5.698.890.771	12.594.338.939
Giá vốn kinh doanh cà phê sách	2.118.369.399	2.678.216.026
<b>Cộng</b>	<b>94.009.391.970</b>	<b>90.299.852.111</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	633.331.548	1.239.881.637
Cổ tức, lợi nhuận được chia	851.212.933	3.836.862.499
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.846.502	103.901.038
Doanh thu hoạt động tài chính khác	554.431.087	704.807.933
<b>Cộng</b>	<b>2.082.822.070</b>	<b>5.885.453.107</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	9.874.481.359	7.483.846.740
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	107.356.597	33.259
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.673	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Chi phí tài chính khác	-	194.844.976
<b>Cộng</b>	<b>9.981.839.629</b>	<b>7.678.724.975</b>
<b>7. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	16.817.574.458	11.345.618.602
Chi phí vật liệu, bao bì	551.254.187	509.263.835
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	872.936.353	766.009.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.484.848.005	4.401.023.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.421.581.019	17.200.921.254
Chi phí bằng tiền khác	1.999.742.070	1.883.671.269
<b>Cộng</b>	<b>44.147.936.092</b>	<b>36.106.507.930</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	3.772.706.699	3.376.616.970
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.123.574	58.618.039
Chi phí khấu hao TSCĐ	433.197.285	460.222.731
Thuế, phí và lệ phí	5.641.237	-
Chi phí dự phòng	81.758.280	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	742.946.910	1.543.703.257
Chi phí bằng tiền khác	2.401.706.958	1.279.760.095
<b>Cộng</b>	<b>7.526.080.943</b>	<b>6.718.921.092</b>
<b>9. Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản cố định	40.050.000	3.112.000
Bán phế liệu	-	17.273.736
Thu tiền tài trợ, thưởng, khuyến mãi	-	4.379.373
Thu tiền cho thuê mặt bằng	-	493.498.460
Xử lý công nợ tồn đọng	-	286.864.875
Thu nhập khác	635.355.593	39.731.714
<b>Cộng</b>	<b>675.405.593</b>	<b>844.860.158</b>
<b>10. Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	18.064.481	1.262.700
Nộp phạt	30.299.351	2.060.881
Chi phí khác	605.400.412	644.848.890
<b>Cộng</b>	<b>653.764.244</b>	<b>648.172.471</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(7.308.671.736)</b>	<b>3.370.166.734</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	(3.834.801.618)
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	2.060.881
		(3.836.862.499)
<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>(7.308.671.736)</b>	<b>(464.634.884)</b>
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay</b>		
<b>6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	-	232.405.768
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>232.405.768</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.512.314.114	1.333.891.148
Chi phí nhân công	20.590.281.157	14.722.235.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.918.045.290	4.861.246.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.164.527.929	18.744.624.511
Chi phí khác bằng tiền	4.488.848.545	3.163.431.364
<b>Cộng</b>	<b>51.674.017.035</b>	<b>42.825.429.022</b>
<b>14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(7.308.671.736)</b>	<b>3.137.760.966</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.</b>	<b>(7.308.671.736)</b>	<b>3.137.760.966</b>
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.058.906	10.055.666
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(727)</b>	<b>312</b>

**15. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**15.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư dài hạn khác.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, dài hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**15.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**15.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>30 tháng 06 năm 2012</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	90.271.000.000	19.026.736.789	-	109.297.736.789
Phải trả người bán	116.473.203.026	-	-	116.473.203.026
Chi phí phải trả	4.888.885.636	-	-	4.888.885.636
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11.722.378.015	861.208.236	-	12.583.586.251
	<b>223.355.466.677</b>	<b>19.887.945.025</b>	-	<b>243.243.411.702</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**31 tháng 12 năm 2011**

Các khoản vay và nợ	85.070.550.000	16.369.623.789	-	101.440.173.789
Phải trả người bán	90.058.473.542	-	-	90.058.473.542
Chi phí phải trả	3.282.441.128	-	-	3.282.441.128
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.016.002.003	733.301.156	-	6.749.303.159
	<b>184.427.466.673</b>	<b>17.102.924.945</b>	-	<b>201.530.391.618</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, TSCĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.15 và V.20 thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn).

**16. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ			
	30/06/2012		31/12/2011	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.849.020.706		3.835.803.312	
- Phải thu khách hàng	22.614.736.284	(1.899.201.384)	16.041.483.579	(1.719.813.336)
- Phải thu khác	30.133.305.421	-	31.309.844.436	-
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
- Tài sản tài chính khác	4.538.129.808	-	3.645.968.859	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.135.192.219</b>	<b>(1.899.201.384)</b>	<b>63.833.100.186</b>	<b>(1.719.813.336)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Vay và nợ	109.297.736.789	-	101.440.173.789	-
- Phải trả người bán	116.473.203.026	-	90.058.473.542	-
- Phải trả khác	11.722.378.015	-	6.016.002.003	-
- Nợ phải trả tài chính khác	5.750.093.872	-	4.015.742.284	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>243.243.411.702</b>	-	<b>201.530.391.618</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/ TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Công ty con	Bán hàng	4.909.101.886	
		Thu tiền hàng	2.993.833.524	
		Công ty mẹ chi hộ	3.850.970.505	
		Công ty mẹ thu hộ	1.379.438.856	
		Phải thu tiền hàng		1.554.763.000
		Phải thu tiền công ty mẹ thu hộ		1.345.318.856
		Phải trả tiền hàng		732.326.314
		Phải trả tiền công ty mẹ chi hộ		5.250.603.614
Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng	648.000.000	3.032.554.206
		Chi hộ Công ty mẹ	26.132.000	122.593.971
		Thanh toán Tiền thuê kho	97.528.200	-
		Phải trả tiền thuê kho		66.292.300
		Phải thu khác		4.075.238.875
Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con	Bán hàng	5.178.053.389	-
		Mua hàng	3.971.419.823	-
		Công ty mẹ chi hộ	71.827.781	-
		Phải thu		2.776.591.421
		Phải trả	4.421.856.352	4.029.970.697
		Phải thu khác		88.450.231
Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	Công ty con	Phải thu		4.178.373.264

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

		Phải trả	988.986.735
		Phải trả khác	10.444.480.313
Công ty Cổ phần Nhân hiệu Phuong Nam	Công ty liên kết	Phải thu	38.700.735
		Phải thu khác	3.746.824.130
		Trả trước	852.282.455
Công ty Cổ phần Mega Phuong Nam	Công ty liên kết	Phải thu	492.313.338
			64.769.100

**2. Giao dịch với các thành viên chủ chốt:**

Thù lao hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao hội đồng quản trị	210.000.000	210.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	720.000.000	720.000.000

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty không có báo cáo bộ phận vì hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh sách, tạp chí văn phòng phẩm...., Công ty cũng không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**4. Thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm TNHH Kiểm toán DTL với Báo cáo phát hành ngày 20/01/2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Kế toán trưởng



Ông Thu Nga

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Phan Thị Lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN VÁN HÓA PHƯƠNG NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phụ lục 1

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	63.711.174.834	1.321.216.495	714.979.374	21.477.070.180	87.224.440.883
Mua trong kỳ	1.671.687.181	296.878.881	-	1.006.011.427	2.974.577.489
ĐT XD CB h. thành	1.711.606.518	-	-	37.954.546	1.749.561.064
Tặng khác	1.289.708	-	887.980.197	26.880.000	916.149.905
Chuyển sang BĐS	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	97.850.000	34.735.240	132.585.240
Giảm khác	520.060.275	-	-	186.513.817	706.574.092
Số dư cuối kỳ	66.575.697.966	1.618.095.376	1.505.109.571	22.326.667.096	92.025.570.009
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	25.307.832.875	134.603.929	645.955.784	12.649.292.606	38.737.685.194
Khấu hao trong năm	2.943.884.825	116.865.563	86.808.224	1.966.847.694	5.114.406.306
Tặng khác	1.289.708	-	519.001.737	-	520.291.445
Chuyển sang BĐS	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	97.850.000	28.785.521	126.635.521
Giảm khác	115.396.482	-	-	30.092.762	145.489.244
Số dư cuối năm	28.137.610.926	251.469.492	1.153.915.745	14.557.262.017	44.100.258.180
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	38.403.341.959	1.186.612.566	69.023.590	8.827.777.574	48.486.755.689
Số dư cuối năm	38.438.087.040	1.366.625.884	351.193.826	7.769.405.079	47.925.311.829

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 25.568.000.000 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.302.894.032 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Phụ lục 2****23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.589.060.000	34.551.810.046	(2.616.000.640)	970.956.900	358.630.392	6.118.792.548	139.973.249.246
Trích lập quỹ	-	-	-	-	270.381.722	(498.626.432)	(228.244.710)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	3.509.679.669	3.509.679.669
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.909.008.000)	(4.909.008.000)
Số dư cuối năm trước	100.589.060.000	34.551.810.046	(2.616.000.640)	970.956.900	629.012.114	4.220.837.785	138.345.676.205
Số dư đầu năm nay	100.589.060.000	34.551.810.046	(2.616.000.640)	970.956.900	629.012.114	4.220.837.785	138.345.676.205
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(7.308.671.736)	(7.308.671.736)
Số dư cuối kỳ	100.589.060.000	34.551.810.046	(2.616.000.640)	970.956.900	629.012.114	(3.087.833.951)	131.037.004.469



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính